TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/3/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sáu
Ông Nguyễn Thanh Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Lê Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 575/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Tuyết L**, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.
Bị đơn:Anh **Bùi Văn L,** sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn của Chị Đặng Thị Tuyết L trình bày: Chị và anh L được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998, đến năm 2003 thì anh, chị đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/HT, quyển số 01/2003, ngày 02/6/2003 tại UBND xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Từ đầu năm 2018 đến nay, vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cuộc sống có nhiều xung đột, thường xuyên cãi vả, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Lý do, anh L thường xuyên ăn nhậu và bạo hành chị. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh Bùi Văn L.

Con chung: Có 03 cháu tên Bùi Tuyết N, sinh ngày 22/11/2000, hiện đã thành niên và lao động được; Bùi Tuyết Nh, sinh ngày 18/12/2002 và Bùi Su B, sinh ngày 21/8/2005. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nh; Giao cháu Su B cho anh L trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, chị L cũng không cấp dưỡng nuôi cháu B.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Văn L thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân và con chung, nhưng anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L vì anh còn thương vợ, thương con. Nếu trường hợp, Tòa án cho chị L được ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh L. Con chung giao hai cháu Bùi Tuyết Nh và Bùi Su B cho anh L trực tiếp nuôi, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Tài sản chung: Do các bên tự thỏa thuận, không ai có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Tuyết L có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn L, yêu cầu được nuôi cháu Nh, giao cháu B cho anh L trực tiếp nuôi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và nuôi con". Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Đặng Thị Tuyết L được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998, đến năm 2003 thì đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 72/HT, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/6/2003, nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L khai, sau khi cưới anh chị sống chung nhưng không hạnh phúc vì hôn nhân của anh chị không có tình yêu, chị đồng ý đám cưới với anh L là do nghe theo lời mẹ chị. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh L ăn nhậu về còn bạo lực với chị, chị bỏ nhà ra ở riêng đã hơn 4 tháng nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh

L thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bởi lẽ anh L thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông, chửi bới, không lo cho vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị L cương quyết ly hôn còn anh L thì không đồng ý nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ mối quan hệ này. Điều này chứng tỏ anh chị không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Có ba cháu tên Bùi Tuyết N, sinh ngày 22/11/2000 đã thành niên và lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Bùi Tuyết Nh, sinh ngày 18/12/2002 và Bùi Su B, sinh ngày 21/8/2005. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu Nh, đồng ý giao cháu Su B cho anh L trực tiếp nuôi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh L thống nhất thỏa thuận giao cháu Nh và cháu Su B cho anh L trực tiếp nuôi, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4] Tài sản chung: Do không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có.

[6] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết L.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Tuyết L được ly hôn với anh Bùi Văn L.

Con chung: Giao cháu Bùi Tuyết Nh, sinh ngày 18/12/2002 và Bùi Su B, sinh ngày 21/8/2005 cho anh Bùi Văn L trực tiếp nuôi. Chị Đặng Thị Tuyết L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng/tháng, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Đặng Thị Tuyết L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí: Chị Đặng Thị Tuyết L phải chịu 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16241 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy. Như vậy, chị Đặng Thị Tuyết L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Bình;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng